CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY

(NATURAL WATER CORPORATION - NAWA CORP)

THIÊN NHIÊN THỦY

cho cuộc sống khỏe đẹp

HỒ SƠ CÔNG BỐ
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

NƯỚC UỐNG I-0N
KIỀM THIÊN NHIÊN

NAWA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----------o0o----------

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03-2023-CBCL/TNT

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY – NHÀ MÁY

Địa chỉ: 110/62/9 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại: 1900636539

Mã số doanh nghiệp: 0316530028-003

Số giấy chứng nhận: ATTP: 2476/2023/ ATTP-CNĐK Ngày cấp: 27/06/2023
Nơi cấp: Ban Quản Lý An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC UỐNG I-ON KIỀM THIÊN NHIÊN**
2. Thành phần: 100% nước i-on kiềm thiên nhiên.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD in trên bao bì sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng gói trong chai PET đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

   Thể tích thực: 333 ml, 500 ml, 18.9 lít hoặc quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng được in trên bảo bì sản phẩm.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY–NHÀ MÁY

   Địa chỉ: 110/62/9 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm**)**

IV. Yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm

Tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo **QCVN 6-1:2010/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khóang thiên nhiên và nước đóng chai.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm sản công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2023

ĐIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY NAWA M.S.D.N: 0316530028

Võ Thị Thanh Hồng

(Nhãn **NƯỚC UỐNG I-ON KIỀM THIÊN NHIÊN** - Chai 333 ml)

(Nhãn **NƯỚC UỐNG I-ON KIỀM THIÊN NHIÊN** - Chai 500 ml)

(Nhãn **NƯỚC UỐNG I-ON KIỀM THIÊN NHIÊN** - Bình 18.9 lít)

Trang/ *Page No*: 1/4
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 15/07/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X172F0488
Mã KQ/ *RP. No*: 001002978.01

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả mã số 001002978.00 ban hành ngày 19/06/2023 / This report replaces the report No 001002978.00 issued on 19/06/2023)

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY - NHÀ MÁY**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 110/62/9 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 13/06/2023
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 13/06/2023 - 19/06/2023
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of sample* (c) : **NƯỚC UỐNG I-ON KIỀM THIÊN NHIÊN**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa PET
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	7.15	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
2	LS	Canxi (Ca) / Calcium (Ca)	0.61	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
3	LS	Kali (K) (*) / Potassium (K) (*)	0.25	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
4	LS	Magie (Mg) (*) / Magnesium (Mg) (*)	0.42	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
5	LS	Fluor (F^-) (*) / Fluoride (F^-) (*)	0.016	mg/L	-	SMEWW 4500 (F^-) D:2017

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No.* 2/4
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 15/07/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X172F0488
Mã KQ/ *RP. No.* 001002978.01

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
6	LS	Antimon (Sb) (*) / Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
7	LS	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
8	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
9	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021
10	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
11	LS	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	0.021	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
12	LS	Bor (B) (*) / Boron (B) (*)	0.47	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2021
13	LS	Bromate (*) / Bromate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022
14	LS	Clo tự do và clo tổng số (Cl_2) (*) / Free chlorine and total chlorine (Cl_2) (*)	0.23	mg/L	-	TCVN 6225-3:2011 (ISO 7393-3:1990)
15	LS	Chlorate (*) / Chlorate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022
16	LS	Clorit (ClO_2^-) / Chlorite (ClO_2^-)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-IC-003:2020
17	LS	Crom (Cr) (*) / Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
18	LS	Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
19	LS	Cyanua tự do (*) / Cyanide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	Method 14561CN - Free Cyanide with Pyridine - Barbituric Acid and Photometry

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No:* 1X172F0488
Mã KQ/ *RP. No:* 001002978.01

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
20	LS	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
21	LS	Molybden (Mo) (*) / Molybdenum (Mo) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021
22	LS	Niken (Ni) (*) / Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
23	LS	Nitrat (NO_3^-) (*) / Nitrate (NO_3^-) (*)	0.211	mg/L	-	SMEWW 4500 (NO_3^-) E:2017
24	LS	Nitrit (NO_2^-) (*) / Nitrite (NO_2^-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)
25	LS	Selen (Se) (*) / Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)
26	LS	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) / Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)
27	LS	Hoạt độ phóng xạ beta (*) / Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)
28	LS	pH (*) / pH value (*)	9.3	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)
29	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/250mL	1	ISO 9308-1:2014
30	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/250mL	1	ISO 9308-1:2014
31	LS	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/250mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1X172F0488
Mã KQ/ *RP. No*: 001002978.01

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
32	LS	Streptococci feacal (*) / Streptococci feacal (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/250mL	1	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
33	LS	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit (Clostridia) (*) / Spores of sulfite-reducing anaerobes (clostridia) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/50mL	1	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N: 0314212615-001-C.T.C.P.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q.TÂN BÌNH-T.P.HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 0316530028-003

Đăng ký lần đầu, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 19 tháng 04 năm 2023

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY - NHÀ MÁY

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

110/62/9 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: VÕ THỊ THANH HỒNG Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *08/07/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079180025335*

Ngày cấp: *10/08/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *D17.11, C/c Phú Thạnh, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *D17.11, C/c Phú Thạnh, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY

Mã số doanh nghiệp: 0316530028

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 6 Tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Võ Cẩm Tú

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2476/2023../ATTP-CNĐK

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHỦ CƠ SỞ: VÕ THỊ THANH HỒNG

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY-NHÀ MÁY**

Địa chỉ: 110/62/9 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

SẢN XUẤT: NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH, ĐÓNG CHAI.

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2023

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Khánh Phong Lan

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HA 510-22

CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY

231-233 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Xưởng sản xuất: 110/62/9 Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm

cho lĩnh vực:

Sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết, nước điện giải, nước ion kiềm đóng chai và đóng bình

Giấy chứng nhận này có giá trị từ:
11 / 7 / 2023 đến 17 / 11 / 2025

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

ISSQ

ISO 22000:2018

8 935304 700368

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

TS. Ngô Tất Thắng

TCVN
QCVN
ASTM
JIS
IEC
ISO

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Văn phòng: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 443559

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NHIÊN THỦY (VN)
Lầu 6 tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 4-2020-45471

Ngày nộp đơn: 03/11/2020

Cấp theo Quyết định số: 97050/QĐ-SHTT, **ngày:** 31/10/2022

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

VN 4-0443559